

Biểu giá dịch vụ

STT	LOẠI DỊCH VỤ	MÃ THEO QĐ CỦA CÔNG TY	NỘI DUNG THU	ĐƠN VỊ TÍNH	HÀNG NHẬP	HÀNG XUẤT
					(đơn giá VNĐ)	(đơn giá VNĐ)
1	Hàng hoá thông thường	FGCR	Giá tối thiểu	KVĐ/lần	73,500	78,000
			Giá áp dụng	Kg (CW)	1,360	1,130
2	Hàng quý hiếm	FVAL	Giá tối thiểu	KVĐ/lần	1,250,000	1,300,000
			Giá áp dụng	Kg (CW)	1,660	1,400
3	Hàng khó bảo quản	FVUN	Giá tối thiểu	KVĐ/lần	84,500	90,000
			Giá áp dụng	Kg (CW)	1,600	1,420
4	Hàng hoa quả tươi, hàng đông lạnh, hàng tươi sống	FPER	Giá tối thiểu	KVĐ/lần	85,000	88,560
			Giá áp dụng	Kg (CW)	1,600	1,310
5	Hàng động vật sống	FAVI	Giá tối thiểu	KVĐ/lần	187,000	197,000
			Giá áp dụng	Kg (CW)	1,450	1,270
6	Hàng nguy hiểm/vũ khí, chất nổ	FDGR	Giá tối thiểu	KVĐ/lần	288,000	300,000
			Giá áp dụng	Kg (CW)	1,810	1,540
7	Hàng quan tài (không bao gồm lọ tro cốt *)	FHUM	Giá áp dụng	01 Quan tài	840,000	880,000
8	Phụ phí dịch vụ theo khung giờ đối với hàng nhập (**)	FEXI	Giá tối thiểu	Áp dụng phụ thu theo mức dưới đây của giá tối thiểu đối với từng loại hình dịch vụ phát sinh		
			Đăng ký nhận hàng hoặc làm thủ tục nhận hàng trong khoảng thời gian 3 giờ từ khi máy bay hạ cánh	Kg (CW)	Phụ thu thêm 150% giá dịch vụ phát sinh	N/A
			Đăng ký nhận hàng hoặc làm thủ tục nhận hàng sau khi máy bay hạ cánh từ sau 3 giờ đến 4 giờ	Kg (CW)	Phụ thu thêm 100% giá dịch vụ phát sinh	N/A
			Đăng ký nhận hàng hoặc làm thủ tục nhận hàng sau khi máy bay hạ cánh từ sau 4 giờ đến 6 giờ	Kg (CW)	Phụ thu thêm 75% giá dịch vụ phát sinh	N/A
			Đăng ký nhận hàng hoặc làm thủ tục nhận hàng sau khi máy bay hạ cánh từ sau 6 giờ đến 9 giờ	Kg (CW)	Phụ thu thêm 30% giá dịch vụ phát sinh	N/A

Biểu giá dịch vụ

STT	LOẠI DỊCH VỤ	MÃ THEO QĐ CỦA CÔNG TY	NỘI DUNG THU	ĐƠN VỊ TÍNH	HÀNG NHẬP	HÀNG XUẤT
					(đơn giá VNĐ)	(đơn giá VNĐ)
9	Phụ phí dịch vụ theo khung giờ đối với hàng xuất(***)	FEXE	Giá tối thiểu	Áp dụng phụ thu theo mức dưới đây của giá tối thiểu đối với từng loại hình dịch vụ phát sinh		
			Chấp nhận hàng trong vòng 4 - 3 tiếng trước giờ máy bay dự định cất cánh với tàu Freighter; trong vòng 3 - 2,5 tiếng trước giờ máy bay dự định cất cánh với tàu Passenger	Kg (CW)	N/A	Phụ thu 35% phí dịch vụ phát sinh
10	Hàng nặng (****)	FHEA	Giá áp dụng	Kg (CW)	1,530	1,420
11	Các vấn đề khác	Dịch vụ phục vụ ngoài giờ hành chính	+) Giá phục vụ trong khoảng từ 16h30 đến 22h00 của ngày làm việc thông thường: Thu thêm 10% mức giá theo loại hình phục vụ. +) Giá phục vụ trong khoảng sau 22h00 đến 7h30 giờ sáng của ngày làm việc thông thường: Thu thêm 30% mức giá theo loại hình phục vụ +) Giá phục vụ vào thứ bảy, chủ nhật, ngày nghỉ lễ theo QĐ của nhà nước, ngày nghỉ bù cho ngày nghỉ lễ nếu ngày nghỉ lễ theo quy định của nhà nước trùng vào ngày thứ Bảy, Chủ Nhật (kể cả làm đêm): Thu thêm 30% mức giá theo loại hình phục vụ”			
		Phụ thu kéo dài thời gian nhận hàng đối với hàng nhập:	+) Hàng đăng ký nhận ngay: - Đối với hàng không kiểm dịch/kiểm hóa: ALSC thu phụ phí 10% mức giá theo loại hình phục vụ nếu thời gian từ khi khách đề nghị trả hàng đến khi có mặt nhận hàng vượt quá 180 phút. - Đối với hàng kiểm dịch/kiểm hóa: ALSC thu phụ phí 10% mức giá theo loại hình phục vụ nếu thời gian từ khi khách đề nghị lấy hàng ra kiểm dịch kiểm hóa đến khi hoàn thành thủ tục hải quan (hàng đủ điều kiện qua khu vực giám sát) vượt quá 180 phút. +) Hàng đăng ký nhận theo giờ hẹn: - Đối với hàng không kiểm dịch/kiểm hóa: ALSC thu phụ phí 10% mức giá theo loại hình phục vụ nếu thời gian đăng ký nhận hàng theo giờ hẹn (****) đến khi có mặt nhận hàng vượt quá 120 phút. - Đối với hàng kiểm dịch/kiểm hóa: ALSC thu phụ phí 10% mức giá theo loại hình phục vụ nếu thời gian từ khi khách đề nghị lấy hàng ra kiểm dịch kiểm hóa theo giờ hẹn đến khi hoàn thành thủ tục hải quan (hàng đủ điều kiện qua khu vực giám sát) vượt quá 120 phút.			

Biểu giá dịch vụ

STT	LOẠI DỊCH VỤ	MÃ THEO QĐ CỦA CÔNG TY	NỘI DUNG THU	ĐƠN VỊ TÍNH	HÀNG NHẬP	HÀNG XUẤT
					(đơn giá VNĐ)	(đơn giá VNĐ)
11	Các vấn đề khác	Sử dụng xe nâng để nhận hàng:	- ALSC chịu trách nhiệm nâng, hạ các kiện hàng có trọng lượng đến 7 tấn cho khách (trừ các trường hợp đặc biệt như kiện hàng yêu cầu phải dùng xe cẩu, hoặc phương tiện nâng đặc biệt hoặc chiều xúc của kiện hàng đến 7 tấn vượt quá 2.5m). Chi phí thuê phương tiện phục vụ trong trường hợp sử dụng xe nâng hoặc cần cẩu và các thiết bị đặc biệt khác để nâng kiện hàng có trọng tải lớn hơn 7 tấn (hoặc chiều xúc của kiện hàng đến 7 tấn vượt quá 2.5m) sẽ do khách hàng chi trả, ALSC phụ thu phí quản lý bằng 15% chi phí thuê phương tiện.			
<i>(*) Lọ tro cốt được áp dụng theo giá dịch vụ hàng thông thường</i>						
<i>(**) Hàng nhập: Bổ sung 01 tiếng theo từng khung giờ đối với các lô hàng được trả tại các KHKD, không tính phụ thu phục vụ hàng quan tài.</i>						
<i>(***) Hàng xuất: Chỉ phục vụ khi công ty cung cấp đủ nguồn lực và có sự đồng ý của hãng; Bổ sung 02 tiếng theo từng khung giờ đối với các lô hàng được chấp nhận tại các KHKD .</i>						
<i>(****) Đối với hàng xuất, hàng nặng là các kiện hàng có trọng lượng lớn hơn hoặc bằng 150kg/kiện, đối với hàng nhập được hiểu là lô hàng mà trong đó trọng lượng trung bình của 1 kiện lớn hơn hoặc bằng 150kg.</i>						
<i>(*****) Mức giá niêm yết trên chưa bao gồm VAT và lệ phí theo quy định hiện hành của nhà nước.</i>						